

Số: *02* /2019/TT-BXD

Hà Nội, ngày *01* tháng *7* năm 2019

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 1. Phương thức gửi, nhận báo cáo; thời gian chốt số liệu, thời hạn gửi báo cáo định kỳ

1. Phương thức gửi, nhận báo cáo

a) Đối với trường hợp có hệ thống phần mềm báo cáo chuyên dùng, phương thức gửi và nhận báo cáo được thực hiện trên hệ thống phần mềm chuyên dùng;

b) Đối với các trường hợp khác, báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy và được gửi bằng một trong các phương thức gửi trực tiếp, gửi qua Fax, gửi qua dịch vụ bưu chính; đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ hòm thư điện tử của cơ quan nhận báo cáo.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ

a) Báo cáo định kỳ hằng tháng: từ ngày 16 đến ngày 25 của tháng thuộc kỳ báo cáo;

b) Báo cáo định kỳ hằng quý: từ ngày ngày 16 đến ngày 25 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm: từ ngày 16 tháng 6 đến ngày 25 tháng 6 và từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo;

d) Báo cáo định kỳ hằng năm: từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Đối với báo cáo phức tạp, phải tổng hợp qua nhiều cơ quan trung gian, thời hạn gửi báo cáo định kỳ như sau:

a) Thời hạn gửi báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo;

b) Thời hạn gửi báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối kỳ báo cáo;

c) Thời hạn gửi báo cáo định kỳ của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, ngành gửi Bộ Xây dựng chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

Điều 2. Báo cáo về tình hình hoạt động của các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng

Chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện như sau:

1. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

2. Nội dung báo cáo: Đánh giá chung về tình hình hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; khó khăn, vướng mắc, kiến nghị; số liệu cần báo cáo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Báo cáo về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động và giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng

Chế độ báo cáo về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động và giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng Quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình và Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ

Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng thực hiện như sau:

1. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an báo cáo về tình hình quản lý chất lượng và an toàn lao động trong thi công xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động và giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Nội dung báo cáo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Báo cáo tình hình quản lý cây xanh đô thị

Chế độ báo cáo tình hình quản lý cây xanh đô thị quy định tại khoản 5 Điều 22, khoản 4 Điều 23 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị thực hiện như sau:

1. Chậm nhất vào ngày 16 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Sở Xây dựng về tình hình quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý; chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, Sở Xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung báo cáo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm

Chế độ báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm quy định tại khoản 2, khoản 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu ngầm đô thị thực hiện như sau:

1. Chậm nhất vào ngày 16 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã thuộc tỉnh có trách nhiệm báo cáo Sở Xây dựng về tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tình hình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm theo phân cấp trên địa bàn quản lý;

b) Tổng hợp về cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị theo phân cấp trên địa bàn quản lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

c) Công tác quản lý và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo phân cấp quản lý;

d) Tình hình thực hiện công tác hạ ngầm các đường dây, đường cáp đi nổi trên địa bàn;

đ) Các vấn đề khó khăn, vướng mắc quản lý và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu trên địa bàn và đề xuất giải pháp khắc phục.

2. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, Sở Xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tình hình ban hành các quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh;

b) Tình hình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về thu thập, điều tra, khảo sát dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn tỉnh;

c) Tình hình lập kế hoạch và triển khai thực hiện việc hạ ngầm các đường dây, đường cáp đi nổi trên địa bàn;

d) Công tác hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm;

đ) Công tác tổ chức lưu trữ và khai thác sử dụng hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị theo phân cấp và theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

e) Các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn và đề xuất giải pháp khắc phục.

Điều 6. Báo cáo tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Chế độ báo cáo tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 5/4/2016 của Chính phủ Về xây dựng, quản lý sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng thực hiện như sau:

1. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

2. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Về công tác quy hoạch, tình hình thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo, đóng cửa và di chuyển nghĩa trang theo quy hoạch; quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; quản lý chi phí, giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng;

b) Diện tích đất nghĩa trang hiện có (ha)/ diện tích theo quy hoạch (ha); tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%); số cơ sở hỏa táng, số lò hỏa táng;

c) Các quy định về quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; chính sách hỗ trợ, khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn (nếu có);

d) Các khó khăn, vướng mắc trong quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và đề xuất giải pháp khắc phục.

Điều 7. Báo cáo tình hình quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị

Chế độ báo cáo về tình hình quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ Về quản lý chiếu sáng đô thị thực hiện như sau:

1. Chậm nhất vào ngày 16 tháng 12 hằng năm, Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị tới Chính quyền đô thị và cơ quan chuyên môn về quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công trình công cộng.

2. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch chiếu sáng đô thị được duyệt;

b) Tình hình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về xây dựng mới, thay thế, cải tạo, duy trì bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị;

c) Công tác triển khai thay thế và sử dụng sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện trên địa bàn;

d) Hiện trạng về số lượng bóng đèn đang sử dụng theo loại nguồn sáng (Led, Sodium, thủy ngân cao áp ...);

đ) Hiện trạng tỷ lệ chiều dài đường đô thị được chiếu sáng (tính từ đường khu vực trở lên);

e) Hiện trạng tỷ lệ chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

Điều 8. Báo cáo tình hình quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước của đơn vị quản lý vận hành nhà ở

Chế độ báo cáo về tình hình quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước của đơn vị quản lý vận hành nhà ở quy định tại điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 47 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở thực hiện như sau:

Chậm nhất vào ngày 16 tháng 12 hằng năm, đơn vị quản lý vận hành nhà ở có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhà ở về tình hình quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Báo cáo tình hình quản lý hành nghề môi giới bất động sản và sàn giao dịch bất động sản

Chế độ báo cáo về tình hình quản lý hành nghề môi giới bất động sản và sàn giao dịch bất động sản quy định tại Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng Quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất

động sản, điều hành sản giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sản giao dịch bất động sản thực hiện như sau:

Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; tình hình đào tạo bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản và quản lý điều hành sản giao dịch bất động sản theo Mẫu số 05 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Báo cáo về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

1. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, bao gồm các nội dung sau:

- a) Tình hình thực hiện quy hoạch các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng;
- b) Hoạt động đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng;
- c) Tình hình sử dụng vật liệu xây không nung tại địa phương;
- d) Tình hình xóa bỏ các lò sản xuất gạch đất sét nung thủ công tại địa phương;

đ) Đề xuất các chính sách phát triển vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường

e) Các số liệu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng theo Mẫu số 06.

2. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, các Bộ, ngành báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình sử dụng vật liệu xây của Bộ, ngành mình theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của một số Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ

1. Thay thế Điều 8 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 5/10/2018 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam như sau:

“Điều 8. Quy định về báo cáo

1. Chậm nhất vào ngày 16 tháng 12 hằng năm, nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng và Sở Xây dựng nơi có dự án về tình hình thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, Sở Xây dựng báo cáo cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng về tình hình cấp giấy phép hoạt động xây

dựng và công tác quản lý hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài trên địa bàn mình quản lý theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn quản lý sử dụng nhà công vụ như sau:

“Điều 17. Nội dung và chế độ báo cáo

1. Chậm nhất vào ngày 16 tháng 6 và ngày 16 tháng 12 hằng năm, đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhà ở công vụ về tình hình quản lý vận hành, bảo trì và quản lý cho thuê nhà ở công vụ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 6 và ngày 20 tháng 12 hằng năm, cơ quan quản lý nhà ở công vụ có trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về tình hình quản lý, bố trí, cho thuê nhà ở công vụ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

3. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo bằng văn bản và gửi về Bộ Xây dựng về tình hình quản lý nhà ở công vụ theo Mẫu số 11 và Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 Thông tư 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở như sau:

“1. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 6 và ngày 20 tháng 12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/TT-BXD ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội như sau:

“4. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 6 và ngày 20 tháng 12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng về nhà ở xã hội trên địa bàn theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

Điều 12. Bãi bỏ một số quy định liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ

1. Bãi bỏ nội dung: “ báo cáo về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng do Bộ quản lý gửi về Bộ Xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục VIII Thông tư này” và nội dung: “báo cáo về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn gửi về Bộ Xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII Thông tư này” quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24

Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Bãi bỏ khoản 4 Điều 23 Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng Quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

3. Bãi bỏ điểm e, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

4. Bãi bỏ khoản 9 Điều 15, và nội dung “Định kỳ 06 tháng 01 lần và hàng năm Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản” quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng Quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TƯ và các ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTU Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TƯ của các đoàn thể;
- Các Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch-Kiến trúc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Các Cục, vụ, Thanh tra thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, TH (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Sinh

PHỤ LỤC MẪU BÁO CÁO

(Kèm theo Thông tư số: 02/2019/TT-BXD ngày 07/7/2019 của Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01. Mẫu báo cáo về tình hình hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....

....., ngày... tháng năm....

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Kính gửi: Bộ Xây dựng

- I. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; khó khăn, vướng mắc, kiến nghị
II. Số liệu về các Ban quản lý dự án

1. Danh sách các Ban quản lý dự án chuyển đổi, thành lập theo quy định của Luật Xây dựng 2014 và Nghị định 59/2015/NĐ-CP

TT	Tên BQLDA	Địa chỉ liên lạc/Điện thoại/Mail	Ngày quyết định thành lập	Cơ quan thành lập BQLDA	Thành lập mới	Sáp nhập/kiện toàn	Tên các BQLDA trước khi sáp nhập/kiện toàn	Mô hình BQLDA			Số lượng cán bộ công nhân viên		
								Chuyên ngành	Khu vực	Một dự án	Tổng số	Đại học	Trình độ Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

- Lưu ý: Sau khi BQLDA chuyển đổi, số lượng cán bộ, nhân viên tăng/giảm so với trước khi sáp nhập/kiện toàn

2. Danh sách các Ban quản lý dự án chưa chuyển đổi theo quy định của Luật Xây dựng 2014 và Nghị định 59/2015/NĐ-CP:

TT	Tên BQLDA	Địa chỉ liên lạc/Điện thoại/Email	Ngày quyết định thành lập	Cơ quan thành lập BQLDA	Lý do chưa chuyển đổi mô hình	Mô hình BQLDA			Số lượng cán bộ công nhân viên		
						Chuyên ngành	Khu vực	Một dự án	Tổng số	Đại học	Trình độ Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Lưu VT, đơn vị..

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Báo cáo về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động, giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động và giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng do Bộ, ngành, địa phương quản lý năm...

Năm

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Căn cứ Điều 53, Điều 54 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (Nghị định số 46/2015/NĐ-CP),

Căn cứ Điều 43 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012,

Căn cứ Khoản 3 Điều 86 Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015,

Bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện nămnhư sau:

I. Tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Công tác hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng (*Trả lời, giải đáp thắc mắc trong thực thi pháp luật; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản QPPL; ...*)

2. Kết quả kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình

- Kết quả kiểm tra công tác công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo thẩm quyền.

- Đánh giá chung về chất lượng và công tác quản lý chất lượng các công trình thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Kết quả giám định chất lượng, giải quyết sự cố công trình xây dựng

- Công tác giám định chất lượng, giám định nguyên nhân sự cố đối với các công trình xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2,3,4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

- Kết quả giải quyết các sự cố thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

II. Tình hình quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng

1. Tình hình sự cố về máy, thiết bị, vật tư, tai nạn lao động trong thi công xây dựng.

2. Kết quả kiểm tra an toàn lao động trong thi công xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

3. Đánh giá về tình hình tổ chức thực hiện công tác an toàn lao động trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

III. Về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo của UBND cấp tỉnh)

1. Danh sách các giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng tính đến thời điểm báo cáo

a) Danh sách giám định viên tư pháp xây dựng:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Kinh nghiệm (1)	Thông tin liên hệ (2)	Nội dung giám định (3)	Loại công trình (4)	Số quyết định bổ nhiệm (5)
...

b) Danh sách người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Kinh nghiệm (1)	Thông tin liên hệ (2)	Nội dung giám định (3)	Loại công trình (4)	Số quyết định công bố/thời gian công bố (5)
...

c) Danh sách tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Kinh nghiệm (1)	Thông tin liên hệ (2)	Nội dung giám định (3)	Loại công trình (4)	Số quyết định công bố/thời gian công bố (5)
...

2. Tình trạng nợ đọng chi phí giám định tư pháp xây dựng, tiền bồi dưỡng giám định tư pháp xây dựng và tham dự phiên tòa tính đến thời điểm báo cáo

a) Tổng số vụ việc nợ đọng chi phí giám định tư pháp xây dựng, tiền bồi dưỡng giám định tư pháp xây dựng và tham dự phiên tòa:

b) Thống kê vụ việc nợ đọng chi phí giám định tư pháp xây dựng, tiền bồi dưỡng giám định tư pháp xây dựng và tham dự phiên tòa:

TT	Vụ việc giám định tư pháp nợ đọng (6)	Thời gian hoàn thành kết luận giám định và đề nghị thanh toán (7)	Lý do nợ đọng (8)	Tên cơ quan trung cầu giám định (9)

1				
2				
...				

3. Số vụ việc giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn tỉnh trong năm báo cáo

a) Tổng số vụ việc đã thực hiện và có kết luận giám định.

b) Tổng số vụ việc từ chối giám định khi nhận được quyết định trưng cầu và lý do từ chối giám định.

c) Tổng số vụ việc phải giám định bổ sung, giám định lại và lý do phải giám định bổ sung, giám định lại.

IV. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị (nếu có)

- Việc kiểm tra, đánh giá an toàn chịu lực nhà ở và công trình công cộng cũ, nguy hiểm tại đô thị (*thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 15/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

- Về quản lý chất lượng các công trình tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình thuộc phạm vi quản lý.

- Các khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật.

- Đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(*Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu pháp nhân*)

Ghi chú:

(1) Số năm kinh nghiệm thực hiện giám định (từ năm đến năm).

(2) Địa chỉ, số điện thoại, email, số fax liên hệ.

(3) Nội dung đăng ký giám định gồm:

- Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong đầu tư xây dựng.

- Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình.

- Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.

- Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.

- Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.

(4) Loại công trình đăng ký giám định gồm: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật.

(5) Số quyết định bổ nhiệm, công bố: Số Ngày.... Tháng..... năm

(6) Vụ việc đã được cá nhân, tổ chức giám định tư pháp hoàn thành và gửi kết luận giám định cho cơ quan trung cầu, nhưng cơ quan trung cầu đang nợ chi phí giám định tư pháp xây dựng, tiền bồi dưỡng giám định tư pháp xây dựng và tham dự phiên tòa.

(7) Ghi rõ thời gian hoàn thành gửi kết luận giám định cho cơ quan trung cầu và thời gian đã đề nghị thanh toán.

(8) Lý do cơ quan trung cầu nợ tiền bồi dưỡng, chi phí giám định.

(9) Tên cơ quan trung cầu nợ tiền bồi dưỡng, chi phí giám định.

Mẫu số 03. Báo cáo về tình hình quản lý cây xanh đô thị của UBND cấp Huyện và Sở Xây dựng

**UBND CẤP HUYỆN/
SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ
Kính gửi: Sở Xây dựng/Bộ Xây dựng**

1. Diện tích đất cây xanh

TT	Thông số	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Diện tích đất cây xanh toàn đô thị	ha	
2	Diện tích đất cây xanh đô thị/người	m ² /người	

2. Lập quy hoạch cây xanh đường phố:

Có: Không:

3. Ban hành quy định của địa phương về quản lý cây xanh đô thị

Có: Không:

(Nếu có đề nghị gửi kèm theo báo cáo)

4. Đánh số cây xanh, số cây xanh gãy đổ

Tổng số cây: ; trong đó:

- Cây cổ thụ:
- Cây có biển số:
- Cây chưa có biển số:

Tổng số cây gãy đổ: ; trong đó do bão, lũ:

5. Lập hồ sơ quản lý cây xanh

Có: Không:

6. Tuân thủ các quy định về trồng cây xanh đô thị (kích thước chiều cao, đường kính, khoảng cách)

Có: Không:

7. Giấy phép khi chặt hạ, dịch chuyển các loại cây xanh theo quy định:

Có: Không:

8. Đơn vị được giao cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị:

9. Phân cấp quản lý cây xanh đô thị:

10. Nhận xét và đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện quản lý cây xanh đô thị theo hướng dẫn của Nghị định 64:

11. Ý kiến đề xuất bổ sung hoặc sửa đổi Nghị định 64: (nếu có)

12. Các ý kiến khác:

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND cấp tỉnh;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04. Báo cáo tổng hợp số liệu nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

(áp dụng đối với đơn vị quản lý vận hành nhà ở báo cáo cơ quan quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước)

ĐƠN VỊ QL VH NHÀ Ở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....

....., ngày... tháng năm...

BÁO CÁO

TỔNG HỢP SỐ LIỆU NHÀ Ở THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

STT	Loại nhà ở	Tổng số nhà ở căn, nhà ở	Số lượng nhà ở đang quản lý theo các hình thức			Các trường hợp đã thu hồi nhà ở và tình hình quản lý sử dụng sau khi thu hồi	Số tiền thu được			ghi chú
			Nhà ở cho thuê (căn, nhà ở)	Nhà ở cho thuê mua (căn, nhà ở)	Nhà ở đã bán (căn, nhà ở)		Nhà ở cho thuê (căn, nhà ở)	nhà ở cho thuê mua (căn, nhà ở)	nhà ở đã bán (căn, nhà ở)	
I	Nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước									
1	Căn hộ chung cư									
2	Nhà ở riêng									

Mẫu số 05. Báo cáo về tình hình đào tạo môi giới bất động sản
và kết quả cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....

....., ngày... tháng năm...

BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
VÀ KẾT QUẢ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Số lượng Chứng chỉ môi giới BĐS đã cấp trong năm	Số lượng cơ sở đào tạo đăng ký trong năm	Số lượng học viên đào tạo trong năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Số điện thoại :.....
Email :.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06. Báo cáo số liệu về lĩnh vực Vật liệu xây dựng

BÁO CÁO

CÁC SỐ LIỆU VỀ LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(số liệu kèm theo báo cáo về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Xây dựng)

TT	Chủng loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tổng số cơ sở sản xuất	Tổng công suất		Ghi chú
				Thiết kế	Thực tế	
1	Xi măng	Triệu tấn				
2	Gạch ốp lát	Triệu m ²				
3	Sứ vệ sinh	Triệu SP				
4	Kính xây dựng	triệu m ² (QTC)				
5	Vôi công nghiệp	Tấn				
6	Vật liệu xây	Tỷ viên				
-	Vật liệu xây nung	Tỷ viên				
-	Vật liệu xây không nung	Tỷ viên				
7	Tấm lợp fibro xi măng	triệu m ²				
8	Đá ốp lát	m ²				
9	Đá xây dựng	m ³				
10	Cát xây dựng	m ³				

Mẫu số 07. Báo cáo tình hình sử dụng vật liệu xây của bộ, ngành

TÊN BỘ, NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....

....., ngày... tháng năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VẬT LIỆU XÂY

(Năm:....)

Kính gửi: Bộ Xây dựng

STT	Công trình	Địa điểm xây dựng	Vật liệu sử dụng				Ghi chú	
			Gạch xây		Tấm tường			
			ĐVT	Gạch nung	Gạch không nung	ĐVT		Khối lượng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08. Báo cáo tình hình hoạt động của nhà thầu nước ngoài
(Kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BXD ngày / /2019 của Bộ Xây dựng)
(Định kỳ và khi hoàn thành công trình)

TÊN NHÀ THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Sở Xây dựng/ Cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng

I. Tên công ty:

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam:

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Số tài khoản tại Việt Nam:

Tại Ngân hàng:

Số giấy phép hoạt động xây dựng: ngày cấp:

Cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng:

Người đại diện có thẩm quyền tại Việt Nam: Chức vụ:

II. Hợp đồng đã ký với chủ đầu tư:

1. Số Hợp đồng: Ngày ký:

2. Nội dung chính công việc nhận thầu:

3. Giá trị hợp đồng:

Tổng số giá trị hợp đồng:

Trong đó:

+ Giá trị tư vấn (thiết kế, quản lý xây dựng, giám sát...):

+ Giá trị cung cấp vật tư trang thiết bị :

+ Giá trị thầu xây dựng:

+ Giá trị thầu lắp đặt:

4. Thời hạn thực hiện Hợp đồng: từ đến.....

5. Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo:

III. Hợp đồng đã ký với các thầu phụ:

1. Hợp đồng thầu phụ thứ nhất: ký với công ty.....

1.1. Số hợp đồng: Ngày ký:

1.2. Nội dung chính công việc giao thầu phụ;

1.3. Giá trị hợp đồng:

2. Hợp đồng thầu phụ thứ 2: (Tương tự như trên)

3. Hợp đồng phụ thứ...

IV. Việc đăng ký chế độ kế toán tại cơ quan thuế:

1. Đã đăng ký chế độ kế toán tại cơ quan thuế:

2. Đăng ký kiểm toán tại công ty kiểm toán:

3. Đã thực hiện nộp thuế theo từng thời kỳ thanh toán: (có bản sao phiếu xác nhận nộp thuế của cơ quan thuế kèm theo).....

V. Những vấn đề khác cần trình bày về thành tích hoặc ý kiến đề nghị giúp đỡ của Bộ Xây dựng/Sở Xây dựng

.....,Ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

Mẫu số 09. Báo cáo tình hình cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài và hoạt động của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam

SỞ XÂY DỰNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SXD....

....., ngày tháng....năm.....

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CHO NHÀ THẦU NƯỚC
NGOÀI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

I. Số liệu Tổng hợp

TT	Tên dự án Chủ đầu tư	Số hiệu giấy phép cấp cho nhà thầu, ngày cấp	Tên nhà thầu nước ngoài, quốc tịch, địa chỉ, vốn pháp định, vai trò nhận thầu công việc nhận thầu và giá hợp đồng	Tên nhà thầu Việt Nam liên danh nhận thầu, hoặc làm thầu phụ; và giá trị nhận thầu (nếu có)	Thời gian thực hiện thầu	- Tình hình thực hiện - Các nhận xét khi kiểm tra
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng					

II. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, đơn vị..

**GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 10. Báo cáo tình hình quản lý sử dụng nhà ở công vụ
(dành cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ và cơ quan quản lý nhà ở công vụ)

TÊN CƠ QUAN BÁO BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kính gửi: Tên Cơ quan quản lý nhà ở công vụ

I. Số liệu về nhà ở công vụ

TT	Loại nhà ở công vụ	Tổng số nhà ở công vụ hiện đang quản lý (căn)	Tổng diện tích sử dụng nhà ở công vụ hiện đang quản lý (m ²)	Tổng số nhà ở công vụ đã bố trí cho thuê (căn)	Tổng diện tích sử dụng nhà ở công vụ đã bố trí cho thuê (m ²)	Tổng số người đang thuê (người)	Giá thuê nhà ở công vụ (nghìn đồng/m ²)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Biệt thự							
2	Chung cư							
3	Nhà liền kề							

Mẫu số 11: Mẫu Biểu báo cáo chi tiết tình hình quản lý sử dụng nhà ở công vụ

TÊN BỘ, NGÀNH/UBND CẤP TỈNH

TT	Loại nhà ở công vụ và địa chỉ	Diện tích sử dụng nhà ở công vụ (m ²)	Tên người ở thuê nhà ở công vụ	Chức vụ, cơ quan, đơn vị công tác của người thuê nhà ở công vụ	Thời gian bố trí theo hợp đồng	Tiền thuê nhà hàng tháng	Ghi chú	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Biệt thự							
.....								
II	Chung cư							
.....								
III	Nhà liền kề							
.....								
	Tổng cộng							

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Điện thoại liên hệ:.....

....., ngàytháng.....năm.....

CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 3: Đối với nhà ở công vụ là biệt thự thì báo cáo thêm về diện tích đất khuôn viên của biệt thự;

- Cột 6: Ghi rõ thời gian thuê nhà ở theo hợp đồng ký kết từ ngày ...tháng...năm đến ngày...tháng...năm;

Mẫu số 12: Mẫu biểu báo cáo tổng hợp tình hình quản lý sử dụng nhà ở công vụ

TÊN BỘ, NGÀNH/UBND CẤP TỈNH

I. Số liệu về nhà ở công vụ

TT	Loại nhà ở công vụ	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích sử dụng nhà ở công vụ (m²)	Tổng số người đang thuê (Người)	Tổng số tiền thuê (đồng/tháng)	ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Biệt thự					
2	Chung cư					
3	Nhà liền kề					
					
	TỔNG HỢP					

II. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị

Người lập biểu

(ký và ghi rõ họ, tên)

Điện thoại liên hệ:.....

....., ngàytháng.....năm.....

CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với nhà ở công vụ là biệt thự thì báo cáo thêm về diện tích đất khuôn viên của biệt thự.

Mẫu số 13. Báo cáo tình hình sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài

SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD....

....., ngày... tháng năm...

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SỞ HỮU NHÀ Ở TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

TT	Đối tượng sở hữu	Loại nhà ở sở hữu		Ghi chú
		Căn hộ	Nhà ở riêng lẻ	
I	Tổ chức nước ngoài			
1	Quốc tịch A			
2	Quốc tịch B			
3			
II	Cá nhân nước ngoài			
1	Quốc tịch C			
2	Quốc tịch D			
3			
	Tổng cộng			

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Lưu VT, đơn vị..

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14. Báo cáo tổng hợp các dự án nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp/công nhân khu công nghiệp

SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BÁO CÁO

CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI DÀNH CHO NGƯỜI THU NHẬP THẤP/CÔNG NHÂN KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Tên các dự án	Loại nhà		Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư dự án	Quy mô dự án				Tiến độ triển khai dự án			Số căn hộ/nhà ở đã bàn giao đưa vào sử dụng		Ghi chú
		TNT	CN			Tổng diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất NOXH (ha)	Tổng số căn hộ/nhà ở	Tổng diện tích sàn căn hộ/nhà ở (m ²)	Khởi công	Hoàn thành	Đã tạm dừng triển khai	Số căn	m ² sàn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng														
1															
2															
...															
II	Các dự án đang triển khai đầu tư xây dựng														
1															
2															

